

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Cẩm Xuyên – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2020 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐ-ST ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1959.

Số điện thoại: 0339.934.781

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1957

Số điện thoại: 0386.992.725

Cùng địa chỉ: ấp Tây Bình C, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn ông T có mặt. Bị đơn bà M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông với bà Đỗ Thị M chung sống với nhau từ năm 1976, có tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong những năm đầu vợ chồng chung sống hòa thuận có 04 con chung. Nhưng đến những năm gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bà M từng

bỏ nhà đi hai lần tuy nhiên do ông nản nĩ nên bà M quay về. Ngày 04/9/2020 bà M lại tiếp tục bỏ đi. Nhận thấy không thể sống chung với bà M được nữa nên ông T yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T xin được ly hôn với bà Đỗ Thị M.

+ Về quan hệ con chung: Có 04 con chung tên Trần Thị D sinh ngày 10/12/1976, Trần Quốc T sinh ngày 23/02/1979, Trần Thị L sinh ngày 25/6/1989 và Trần Thị L sinh ngày 26/10/2990. Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của ông Trần Văn A số tiền 200.000.000 đồng, sau ly hôn ông T yêu cầu ông và bà M có trách nhiệm cùng trả số nợ này.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông T xin được rút phần yêu cầu giải quyết nợ chung, các phần khác vẫn giữ nguyên.

- Bị đơn bà Đỗ Thị M: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà M nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bà M vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Đỗ Thị M.

Về con chung: Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về phần nợ chung do ông T tự nguyện rút.

Ông T yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn bà Đỗ Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tây Bình C, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn bà Đỗ Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị M chung sống với nhau từ năm 1976, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 08/12/2003. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Trần Văn T, thấy: Vợ chồng ông T và bà M đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Ông T trình bày rằng cuộc sống vợ chồng thời gian gần đây không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, bà M đã tự ý bỏ nhà đi ra Phú Quốc sống với con gái không về mặc dù ông T gọi điện kêu về nhiều lần. Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn cũng thể hiện ông T và bà M hiện nay đang sống ly thân. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng bà M vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà M để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà M không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.3] Về quan hệ con chung: Qua chứng cứ ông T cung cấp thì ông T với bà M có 04 con chung hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện ông T trình bày ông vợ bà M có nợ của ông Trần Văn Ấy số tiền 200.000.000 đồng, sau ly hôn ông T yêu cầu ông và bà M có trách nhiệm cùng trả số nợ này. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay ông T xin được rút phần yêu cầu giải quyết về nợ chung, không tiếp tục yêu cầu giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu của ông T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phía ông Trần Văn Ấy cũng không có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu trả nợ chung này nên Hội đồng xét xử định chỉ về phần rút yêu cầu này.

[3] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Đỗ Thị M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 8 ngày 24/01/2007 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu giải quyết nợ chung do nguyên đơn tự nguyện rút.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007995 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Ông Trần Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm